UBND TỈNH ĐẮK LẮK
**SỞ TÀI CHÍNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập -Tự do - hạnh phúc**
*Đắk Lắk, ngày tháng 9 năm 2025*

# BẢN SO SÁNH, THUYẾT MINH DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH QUY ĐỊNH DANH MỤC TÀI SẢN CỐ ĐỊNH ĐẶC THÙ VÀ DANH MỤC, THỜI GIAN TÍNH HAO MÒN, TỶ LỆ HAO MÒN TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH (TRỪ THƯƠNG HIỆU CỦA ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP) THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ CỦA TỈNH ĐẮK LẮK

*(Kèm theo Công văn số: /STC-QLG&CS ngày /9/2025 của Sở Tài chính)*

| VĂN BẢN ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, THAY THẾ | | Dự thảo Quyết định | Thuyết minh |
|---|---|---|---|
| **Quyết định số 56/2024/QĐ-UBND ngày 16/12/2024 của UBND tỉnh Đắk Lắk (cũ)** | **Quyết định số 24/2024/QĐ-UBND ngày 28/5/2024 của UBND tỉnh Phú Yên (cũ)** | | |
| **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**<br>1. Quyết định này quy định Danh mục tài sản cố định đặc thù; Danh mục, thời gian tính hao mòn và tỷ lệ hao mòn tài sản cố định vô hình (trừ thương hiệu của đơn vị sự nghiệp công lập) thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Đắk Lắk.<br>2. Các nội dung khác có liên quan đến chế độ quản lý, tính hao mòn tài sản cố định không quy định tại Quyết định này được thực hiện theo quy định của Thông tư số 23/2023/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, tính hao mòn, khấu hao tài sản cố định tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và tài sản cố định do nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp và các văn bản pháp luật hiện hành có liên quan. | **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**<br>Quyết định này quy định danh mục tài sản cố định đặc thù và danh mục, thời gian tính hao mòn, tỷ lệ hao mòn tài sản cố định vô hình (trừ thương hiệu của đơn vị sự nghiệp công lập) tại các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, cơ quan Đảng cộng sản Việt Nam, Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam tỉnh, tổ chức chính trị - xã hội, tài sản cố định do Nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Phú Yên (sau đây gọi là cơ quan, tổ chức, đơn vị). | **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**<br>Quyết định này quy định danh mục tài sản cố định đặc thù và danh mục, thời gian tính hao mòn, tỷ lệ hao mòn tài sản cố định vô hình (trừ thương hiệu của đơn vị sự nghiệp công lập) thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Đắk Lắk. | Sở Tài chính xây dựng Phạm vi điều chỉnh trên cơ sở kế thừa nội dung hiện có của 02 tỉnh và phạm vi điều chỉnh quy định tại Thông tư số 23/2023/TT-BTC |
| **Điều 2. Đối tượng áp dụng**<br>Quyết định này áp dụng đối với<br>a) Cơ quan nhà nước;<br>b) Đơn vị sự nghiệp công lập;<br>c) Cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam; | **Điều 2. Đối tượng áp dụng**<br>1. Quyết định này áp dụng đối với cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, cơ quan Đảng cộng sản Việt Nam, Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam tỉnh, | **Điều 2. Đối tượng áp dụng**<br>1. Quyết định này áp dụng đối với cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, cơ quan Đảng cộng sản Việt Nam, Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam tỉnh, tổ chức | Sở Tài chính xây dựng Đối tượng áp dụng trên cơ sở kế thừa nội dung hiện có của 02 tỉnh và Đối tượng áp dụng quy |

<table>
<tr><th colspan="2">VĂN BẢN ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, THAY THẾ</th><th rowspan="2">Dự thảo Quyết định</th><th rowspan="2">Thuyết minh</th></tr>
<tr><th>Quyết định số 56/2024/QĐ-UBND ngày 16/12/2024 của UBND tỉnh Đắk Lắk (cũ)</th><th>Quyết định số 24/2024/QĐ-UBND ngày 28/5/2024 của UBND tỉnh Phú Yên (cũ)</th></tr>
<tr>
<td>d) Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội;<br>đ) Tài sản cố định do Nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp;<br>g) Các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến quản lý tài sản cố định.</td>
<td>tổ chức chính trị - xã hội, tài sản cố định do Nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Phú Yên.<br>2. Khuyến khích các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức khác được thành lập theo quy định của pháp luật về Hội áp dụng các quy định tại Quyết định này để quản lý, tính hao mòn tài sản cố định.</td>
<td>chính trị-xã hội, tài sản cố định do Nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Phú Yên.<br>2. Khuyến khích các tổ chức chính trị xã hội-nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội-nghề nghiệp, tổ chức khác được thành lập theo quy định của pháp luật về Hội áp dụng các quy định tại Quyết định này để quản lý, tính hao mòn tài sản cố định.</td>
<td>định tại Thông tư số 23/2023/TT-BTC</td>
</tr>
<tr>
<td>Điều 3. Danh mục tài sản cố định đặc thù; Danh mục, thời gian tính hao mòn và tỷ lệ hao mòn tài sản cố định vô hình<br>1. Danh mục tài sản cố định đặc thù được quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Quyết định này.
<table>
<tr><th>STT</th><th>DANH MỤC TÀI SẢN</th></tr>
<tr><td>I</td><td>Lăng tẩm, di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh cấp quốc gia</td></tr>
<tr><td>II</td><td>Lăng tẩm, di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh cấp tỉnh</td></tr>
<tr><td>III</td><td>Cổ vật, hiện vật trưng bày trong bảo tàng, lăng tẩm, di tích lịch sử</td></tr>
<tr><td>1</td><td>Chất liệu bằng vàng</td></tr>
<tr><td>2</td><td>Chất liệu bằng bạc, đồng, kim loại quý</td></tr>
<tr><td>3</td><td>Chất liệu bằng kim loại (ngoài kim loại quý, bạc, đồng, vàng)</td></tr>
<tr><td>4</td><td>Chất liệu bằng gỗ</td></tr>
<tr><td>5</td><td>Chất liệu gốm, sành, sứ</td></tr>
</table>
</td>
<td>Điều 3. Quy định các danh mục, thời gian tính hao mòn, tỷ lệ hao mòn đối với tài sản<br>1. Quy định danh mục tài sản cố định đặc thù: Phụ lục I.
<table>
<tr><th>Số thứ tự</th><th>Danh mục</th></tr>
<tr><td>Loại I</td><td>Hiện vật</td></tr>
<tr><td>1</td><td>Hiện vật bằng kim loại</td></tr>
<tr><td>2</td><td>Hiện vật bằng giấy</td></tr>
<tr><td>3</td><td>Hiện vật là đồ mộc</td></tr>
<tr><td>4</td><td>Hiện vật là đồ dệt</td></tr>
<tr><td>5</td><td>Hiện vật bằng sành, sứ</td></tr>
<tr><td>6</td><td>Hiện vật bằng phim ảnh</td></tr>
<tr><td>7</td><td>Hiện vật bằng da</td></tr>
<tr><td>8</td><td>Hiện vật bằng nhựa</td></tr>
<tr><td>9</td><td>Hiện vật bằng đá</td></tr>
</table>
</td>
<td>Điều 3. Quy định các Danh mục, thời gian tính hao mòn, tỷ lệ hao mòn đối với tài sản<br>1. Danh mục tài sản cố định đặc thù được quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Quyết định này.
<table>
<tr><th>Số thứ tự</th><th>Danh mục</th></tr>
<tr><td>Loại I</td><td>Cổ vật, hiện vật</td></tr>
<tr><td>1</td><td>Chất liệu bằng vàng</td></tr>
<tr><td>2</td><td>Chất liệu bằng bạc, đồng, kim loại quý</td></tr>
<tr><td>3</td><td>Chất liệu bằng kim loại (ngoài kim loại quý, bạc, đồng, vàng)</td></tr>
<tr><td>4</td><td>Chất liệu bằng gỗ</td></tr>
<tr><td>5</td><td>Chất liệu gốm, sành, sứ</td></tr>
<tr><td>6</td><td>Chất liệu bằng đất, đá</td></tr>
<tr><td>7</td><td>Chất liệu phim ảnh</td></tr>
<tr><td>8</td><td>Chất liệu bằng nhựa</td></tr>
<tr><td>9</td><td>Chất liệu bằng thủy tinh</td></tr>
<tr><td>10</td><td>Chất liệu bằng xương, ngà</td></tr>
<tr><td>11</td><td>Chất liệu bằng giấy</td></tr>
<tr><td>12</td><td>Chất liệu bằng vải</td></tr>
<tr><td>13</td><td>Chất liệu bằng da</td></tr>
</table>
</td>
<td>Sở Tài chính xây dựng nội dung 02 Phụ lục trên nguyên tắc kế thừa những nội dung quy định của 02 tỉnh. Phần lớn nội dung quy định này mang tính tương đồng giữa 2 tỉnh, Sở Tài chính lựa chọn phương án bao quát hơn, cụ thể:<br>1. Đối với Phụ lục 1:<br>- Đối với danh mục tài sản của tỉnh Đắk Lắk (trước đây) có: Loại I “Lăng tẩm, di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh cấp Quốc giao” và Loại II “Lăng tẩm, di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh cấp tỉnh”. Căn cứ theo Luật Di sản văn hóa, Sở Tài chính kế thừa nội dung quy định của tỉnh</td>
</tr>
</table>

<table>
<tr><th colspan="3">VĂN BẢN ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, THAY THẾ</th><th rowspan="2">Dự thảo Quyết định</th><th rowspan="2">Thuyết minh</th></tr>
<tr><th colspan="2">Quyết định số 56/2024/QĐ-UBND ngày 16/12/2024 của UBND tỉnh Đắk Lắk (cũ)</th><th>Quyết định số 24/2024/QĐ-UBND ngày 28/5/2024 của UBND tỉnh Phú Yên (cũ)</th></tr>
<tr>
<td colspan="2">
<table>
<tr><td>6</td><td>Chất liệu bằng đất, đá</td></tr>
<tr><td>7</td><td>Chất liệu phim ảnh</td></tr>
<tr><td>8</td><td>Chất liệu bằng nhựa</td></tr>
<tr><td>9</td><td>Chất liệu bằng thủy tinh</td></tr>
<tr><td>10</td><td>Chất liệu bằng xương, ngà</td></tr>
<tr><td>11</td><td>Chất liệu bằng giấy</td></tr>
<tr><td>12</td><td>Chất liệu bằng vải</td></tr>
<tr><td>13</td><td>Chất liệu bằng a</td></tr>
<tr><td>14</td><td>Chất liệu mây, tre</td></tr>
<tr><td>15</td><td>Các tiêu bản mẫu động, thực vật</td></tr>
<tr><td>16</td><td>Chất liệu cao su</td></tr>
<tr><td>17</td><td>Tranh, ảnh</td></tr>
<tr><td>18</td><td>Chất liệu khác</td></tr>
</table>
2. Danh mục, thời gian tính hao mòn và tỷ lệ hao mòn tài sản cố định vô hình (trừ thương hiệu đơn vị sự nghiệp công lập) được quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định này.
<table>
<tr><th>STT</th><th>Danh mục</th><th>Thời gian tính hao mòn (năm)</th><th>Tỷ lệ hao mòn (%/năm)</th></tr>
<tr><td>I</td><td>Quyền tác giả</td><td></td><td></td></tr>
<tr><td>1</td><td>Tác phẩm văn học, khoa học, sách giáo khoa, giáo trình và tác phẩm khác được thể hiện dưới dạng chữ viết hoặc ký tự khác</td><td>25</td><td>4</td></tr>
<tr><td>2</td><td>Bài giảng, bài phát biểu và bài nói khác</td><td>25</td><td>4</td></tr>
<tr><td>3</td><td>Tác phẩm báo chí</td><td>25</td><td>4</td></tr>
<tr><td>4</td><td>Tác phẩm âm nhạc</td><td>25</td><td>4</td></tr>
</table>
</td>
<td colspan="2">
<table>
<tr><td>10</td><td>Hiện vật bằng xương</td></tr>
<tr><td>11</td><td>Tiền cổ</td></tr>
<tr><td>Loại II</td><td>Di tích lịch sử - văn hóa được xếp hạng theo quy định của Luật Di sản Văn hóa</td></tr>
</table>
2. Quy định danh mục, thời gian tính hao mòn, tỷ lệ hao mòn tài sản cố định vô hình (trừ thương hiệu của đơn vị sự nghiệp công lập): Phụ lục II.
<table>
<tr><th>STT</th><th>Danh mục</th><th>Thời gian tính hao mòn (năm)</th><th>Tỷ lệ hao mòn (%/năm)</th></tr>
<tr><td>Loại I</td><td>Quyền tác giả</td><td></td><td></td></tr>
<tr><td>1</td><td>Tác phẩm văn học, khoa học, sách giáo khoa, giáo trình và tác phẩm khác được thể hiện dưới dạng chữ viết hoặc ký tự khác.</td><td>25</td><td>4</td></tr>
<tr><td>2</td><td>Bài giảng, bài phát biểu và bài nói khác.</td><td>25</td><td>4</td></tr>
<tr><td>3</td><td>Tác phẩm báo chí.</td><td>25</td><td>4</td></tr>
<tr><td>4</td><td>Tác phẩm âm nhạc.</td><td>25</td><td>4</td></tr>
<tr><td>5</td><td>Tác phẩm sân khấu.</td><td>50</td><td>2</td></tr>
<tr><td>6</td><td>Tác phẩm điện ảnh.</td><td>50</td><td>2</td></tr>
</table>
</td>
<td>
<table>
<tr><td>14</td><td>Chất liệu mây, tre</td></tr>
<tr><td>15</td><td>Các tiêu bản mẫu động, thực vật</td></tr>
<tr><td>16</td><td>Chất liệu cao su</td></tr>
<tr><td>17</td><td>Tranh, ảnh</td></tr>
<tr><td>18</td><td>Chất liệu khác</td></tr>
<tr><td>Loại II</td><td>Di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh được xếp hạng theo quy định của Luật Di sản Văn hóa</td></tr>
</table>
2. Danh mục, thời gian tính hao mòn, tỷ lệ hao mòn tài sản cố định vô hình (trừ thương hiệu của đơn vị sự nghiệp công lập) được quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định này.
<table>
<tr><th>STT</th><th>Danh mục</th><th>Thời gian tính hao mòn (năm)</th><th>Tỷ lệ hao mòn (%/năm)</th></tr>
<tr><td>I</td><td>Quyền tác giả</td><td></td><td></td></tr>
<tr><td>1</td><td>Tác phẩm văn học, khoa học, sách giáo khoa, giáo trình và tác phẩm khác được thể hiện dưới dạng chữ viết hoặc ký tự khác</td><td>25</td><td>4</td></tr>
<tr><td>2</td><td>Bài giảng, bài phát biểu và bài nói khác</td><td>25</td><td>4</td></tr>
<tr><td>3</td><td>Tác phẩm báo chí</td><td>25</td><td>4</td></tr>
<tr><td>4</td><td>Tác phẩm âm nhạc</td><td>25</td><td>4</td></tr>
<tr><td>5</td><td>Tác phẩm sân khấu, tác phẩm điện ảnh</td><td>25</td><td>4</td></tr>
<tr><td>6</td><td>Tác phẩm mỹ thuật ứng dụng</td><td>25</td><td>4</td></tr>
</table>
</td>
<td>Phú Yên để điều chỉnh nội dung này thành “Di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh được xếp hạng theo quy định của Luật Di sản văn hóa” để mang tính bao quát.<br>- Đối với Loại tài sản “Cổ vật, hiện vật”: cơ bản nội dung của 02 tỉnh tương đồng nhau; bên cạnh đó, quy định của tỉnh Đắk Lắk cụ thể, bao quát hơn. Do đó, Sở Tài chính kế thừa nội dung quy định của tỉnh Đắk Lắk để xây dựng dự thảo.<br>2. Đối với Phụ lục 2:<br>Cơ bản nội dung của 02 tỉnh tương đồng nhau; quy định của tỉnh Đắk Lắk cụ thể, bao quát hơn. Do đó, Sở Tài chính kế thừa nội dung quy định của tỉnh Đắk Lắk để xây dựng dự thảo.</td>
</tr>
</table>

| VĂN BẢN ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, THAY THẾ | | | | | | | | Dự thảo Quyết định | | | | Thuyết minh |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| Quyết định số 56/2024/QĐ-UBND ngày 16/12/2024 của UBND tỉnh Đắk Lắk (cũ) | | | | Quyết định số 24/2024/QĐ-UBND ngày 28/5/2024 của UBND tỉnh Phú Yên (cũ) | | | | | | | | |
| 5 | Tác phẩm sân khấu, tác phẩm điện ảnh | 25 | 4 | 7 | Tác phẩm tạo hình, mỹ thuật ứng dụng. | 50 | 2 | 7 | Tác phẩm nhiếp ảnh | 25 | 4 | |
| 6 | Tác phẩm mỹ thuật ứng dụng | 25 | 4 | 8 | Tác phẩm nhiếp ảnh. | 50 | 2 | 8 | Tác phẩm kiến trúc | 25 | 4 | |
| 7 | Tác phẩm nhiếp ảnh | 25 | 4 | 9 | Tác phẩm kiến trúc. | 25 | 4 | 9 | Bản họa đồ, sơ đồ, bản đồ, bản vẽ | 25 | 4 | |
| 8 | Tác phẩm kiến trúc | 25 | 4 | 10 | Tác phẩm văn học, nghệ thuật dân gian. | 25 | 4 | 10 | Tác phẩm văn học, nghệ thuật dân gian | 25 | 4 | |
| 9 | Bản họa đồ, sơ đồ bản đồ, bản vẽ | 25 | 4 | 11 | Bản đồ họa, sơ đồ, bản vẽ liên quan đến địa hình, công trình khoa học. | 25 | 4 | 11 | Chương trình máy tính, sưu tập dữ liệu | 25 | 4 | |
| 10 | Tác phẩm văn học, nghệ thuật dân gian | 25 | 4 | 12 | Chương trình máy tính, sưu tập dữ liệu. | 2 | 4 | 12 | Tác phẩm phái sinh | 25 | 4 | |
| 11 | Chương trình máy tính, sưu tập dữ liệu | 25 | 4 | **Loại II** | **Quyền sở hữu công nghiệp** | | | 13 | Quyền tác giả khác | 25 | 4 | |
| 12 | Tác phẩm phái sinh | 25 | 4 | 1 | Bằng độc quyền sáng chế. | 20 | 5 | **II** | **Quyền liên quan đến quyền tác giả** | | | |
| 13 | Quyền tác giả khác | 25 | 4 | 2 | Kiểu dáng công nghiệp. | 5 | 20 | 1 | Cuộc biểu diễn | 25 | 4 | |
| **II** | **Quyền liên quan đến quyền tác giả** | | | 3 | Thiết kế bố trí. | 10 | 10 | 2 | Bản ghi âm, ghi hình | 25 | 4 | |
| 1 | Cuộc biểu diễn | 25 | 4 | 4 | Nhãn hiệu. | 10 | 10 | 3 | Chương trình phát sóng | 25 | 4 | |
| 2 | Bản ghi âm, g i hình | 25 | 4 | 5 | Bằng độc quyền giải pháp hữu ích. | 10 | 10 | 4 | Tín hiệu vệ tinh mang chương trình được mã hóa | 25 | 4 | |
| 3 | Chương trình phát sóng | 25 | 4 | **Loại III** | **Quyền đối với giống cây trồng** | | | 5 | Quyền liên quan đến quyền tác giả khác | 25 | 4 | |
| 4 | Tín hiệu vệ tinh mang chương trình được mã hóa | 25 | 4 | 1 | Quyền đối với giống cây thân gỗ. | 25 | 4 | **III** | **Quyền sở hữu công nghiệp** | | | |
| 5 | Quyền liên quan đến quyền tác giả khác | 25 | 4 | 2 | Quyền đối với các giống cây trồng khác. | 20 | 5 | 1 | Sáng chế | 20 | 5 | |
| **III** | **Quyền sở hữu công nghiệp** | | | | | | | 2 | Kiểu dáng công nghiệp | 10 | 10 | |
| 1 | Sáng chế | 20 | 5 | | | | | 3 | Thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn | 10 | 10 | |
| 2 | Kiểu dáng công nghiệp | 10 | 10 | | | | | 4 | Bí mật kinh doanh | 10 | 10 | |
| 3 | Thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn | 10 | 10 | | | | | 5 | Nhãn hiệu, tên thương mại, chỉ dẫn địa lý | 20 | 5 | |
| 4 | Bí mật kinh doanh | 10 | 10 | | | | | 6 | Quyền sở hữu công nghiệp khác | 10 | 10 | |
| 5 | Nhãn hiệu, tên thương mại, chỉ dẫn địa lý | 20 | 5 | | | | | **IV** | **Quyền đối với giống cây trồng** | | | |
| 6 | Quyền sở hữu công nghiệp khác | 10 | 10 | | | | | | | | | |

<table>
<tr><th colspan="2">VĂN BẢN ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, THAY THẾ</th><th>Dự thảo Quyết định</th><th>Thuyết minh</th></tr>
<tr><th colspan="2">Quyết định số 56/2024/QĐ-UBND ngày 16/12/2024 của UBND tỉnh Đắk Lắk (cũ)</th><th colspan="2">Quyết định số 24/2024/QĐ-UBND ngày 28/5/2024 của UBND tỉnh Phú Yên (cũ)</th><th></th><th></th></tr>
<tr><td>
<table>
<tr><td>IV</td><td>Quyền đối với giống cây trồng</td><td></td><td></td></tr>
<tr><td>1</td><td>Giống cây thân gỗ</td><td>25</td><td>4</td></tr>
<tr><td>2</td><td>Giống cây trồng khác</td><td>20</td><td>5</td></tr>
<tr><td>V</td><td>Phần mềm ứng dụng</td><td></td><td></td></tr>
<tr><td>1</td><td>Cơ sở dữ liệu</td><td>5</td><td>20</td></tr>
<tr><td>2</td><td>Phần mềm kế toán</td><td>5</td><td>20</td></tr>
<tr><td>3</td><td>Phần mềm tin học văn phòng</td><td>5</td><td>20</td></tr>
<tr><td>4</td><td>Phần mềm quản lý tài sản</td><td>5</td><td>20</td></tr>
<tr><td>5</td><td>Phần mềm quản lý ngân sách</td><td>5</td><td>20</td></tr>
<tr><td>6</td><td>Phần mềm quản lý bệnh viện</td><td>5</td><td>20</td></tr>
<tr><td>7</td><td>Phần mềm quản lý cán bộ công chức</td><td>5</td><td>20</td></tr>
<tr><td>8</td><td>Phần mềm quản lý thu phí, lệ phí</td><td>5</td><td>20</td></tr>
<tr><td>9</td><td>Phần mềm quản lý số hóa hồ sơ</td><td>5</td><td>20</td></tr>
<tr><td>10</td><td>Phần mềm dạy học</td><td>5</td><td>20</td></tr>
<tr><td>11</td><td>Phần mềm ứng dụng khác</td><td>5</td><td>20</td></tr>
<tr><td>VI</td><td>Tài sản cố định vô hình khác (trừ quyền sử dụng đất)</td><td>5</td><td>20</td></tr>
</table>
</td><td>
<table>
<tr><td>Loại IV</td><td>Phần mềm ứng dụng</td><td></td><td></td></tr>
<tr><td>1</td><td>Cơ sở dữ liệu.</td><td>5</td><td>20</td></tr>
<tr><td>2</td><td>Phần mềm kế toán.</td><td>5</td><td>20</td></tr>
<tr><td>3</td><td>Phần mềm tin học văn phòng.</td><td>5</td><td>20</td></tr>
<tr><td>4</td><td>Phần mềm ứng dụng khác.</td><td>5</td><td>20</td></tr>
<tr><td>Loại V</td><td>Tài sản cố định vô hình khác (trừ thương hiệu của các đơn vị sự nghiệp tham gia hoạt động liên doanh liên kết theo mô hình xã hội hóa).</td><td>5</td><td>20</td></tr>
</table>
</td><td>
<table>
<tr><td>1</td><td>Giống cây thân gỗ</td><td>25</td><td>4</td></tr>
<tr><td>2</td><td>Giống cây trồng khác</td><td>20</td><td>5</td></tr>
<tr><td>V</td><td>Phần mềm ứng dụng</td><td></td><td></td></tr>
<tr><td>1</td><td>Cơ sở dữ liệu</td><td>5</td><td>20</td></tr>
<tr><td>2</td><td>Phần mềm kế toán</td><td>5</td><td>20</td></tr>
<tr><td>3</td><td>Phần mềm tin học văn phòng</td><td>5</td><td>20</td></tr>
<tr><td>4</td><td>Phần mềm quản lý tài sản</td><td>5</td><td>20</td></tr>
<tr><td>5</td><td>Phần mềm quản lý ngân sách</td><td>5</td><td>20</td></tr>
<tr><td>6</td><td>Phần mềm quản lý bệnh viện</td><td>5</td><td>20</td></tr>
<tr><td>7</td><td>Phần mềm quản lý cán bộ công chức</td><td>5</td><td>20</td></tr>
<tr><td>8</td><td>Phần mềm quản lý thu phí, lệ phí</td><td>5</td><td>20</td></tr>
<tr><td>9</td><td>Phần mềm quản lý số hóa hồ sơ</td><td>5</td><td>20</td></tr>
<tr><td>10</td><td>Phần mềm dạy học</td><td>5</td><td>20</td></tr>
<tr><td>11</td><td>Phần mềm ứng dụng khác</td><td>5</td><td>20</td></tr>
<tr><td>VI</td><td>Tài sản cố định vô hình khác (trừ quyền sử dụng đất)</td><td>5</td><td>20</td></tr>
</table>
</td><td></td></tr>
<tr><td></td><td></td><td>Điều 4. Điều khoản chuyển tiếp<br>Đối với tài sản cố định đã được theo dõi trên sổ kế toán của cơ quan, tổ chức, đơn vị trước ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành, có thời gian để tính hao mòn, tỷ lệ hao mòn quy định tại Phụ lục số 02 ban hành kèm theo Quyết định này thay đổi so với quy định trước ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành thì từ năm tài chính 2025 thực hiện xác định mức hao mòn</td><td>Tại Phụ lục 2 quy định Danh mục, thời gian tính hao mòn, tỷ lệ hao mòn tài sản cố định vô hình (trừ thương hiệu của đơn vị sự nghiệp công lập), mặc dù đa phần quy định của 02 tỉnh tương đồng nhau. Tuy nhiên, một số danh mục tài sản có quy</td></tr>
</table>

| VĂN BẢN ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, THAY THẾ | | Dự thảo Quyết định | Thuyết minh |
|---|---|---|---|
| **Quyết định số 56/2024/QĐ-UBND ngày 16/12/2024 của UBND tỉnh Đắk Lắk (cũ)** | **Quyết định số 24/2024/QĐ-UBND ngày 28/5/2024 của UBND tỉnh Phú Yên (cũ)** | | |
| | | hàng năm của tài sản như sau:<br>Mức hao mòn hàng năm của tài sản cố định = Giá trị còn lại của tài sản cố định tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2024 theo sổ kế toán / Thời gian tính hao mòn còn lại của tài sản (năm)<br>Trong đó:<br>Thời gian tính hao mòn còn lại của tài sản (năm) = Thời gian tính hao mòn của tài sản cùng loại theo quy định (năm) - Thời gian đã sử dụng của tài sản (năm)<br>Thời gian tính hao mòn của tài sản cùng loại được xác định theo quy định tại Phụ lục số 02 ban hành Quyết định<br>Riêng mức hao mòn tài sản cố định cho năm cuối cùng thuộc thời gian để tính hao mòn của tài sản cố định được xác định là hiệu số giữa nguyên giá và số hao mòn luỹ kế, khấu hao đã trích của tài sản cố định đó.<br>Trường hợp tài sản cố định đã hết thời gian tính hao mòn theo quy định, nhưng tài sản vẫn còn giá trị còn lại thì mức hao mòn của năm 2025 bằng giá trị còn lại của tài sản tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2024. | định thời gian tính hao mòn thay đổi. Do đó, để có căn cứ xác định mức hao mòn hàng năm của tài sản cố định, Sở Tài chính xây dựng bổ sung Điều khoản chuyển tiếp để các đơn vị có căn cứ triển khai, thực hiện. |
| **Điều 4. Tổ chức thực hiện**<br>1. Giao ở Tài chính chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan triển khai thực hiện Quyết định | **Điều 4. Tổ chức thực hiện**<br>1. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị căn cứ Thông tư số 23/2023/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài | **Điều 5. Tổ chức thực hiện**<br>1. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị căn cứ Thông tư số 23/2023/TT- BTC ngày 08 tháng 5 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài | Sở Tài chính xây dựng nội dung 02 Phụ lục trên nguyên tắc kế thừa những nội dung quy định |

| VĂN BẢN ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, THAY THẾ | | Dự thảo Quyết định | Thuyết minh |
|---|---|---|---|
| **Quyết định số 56/2024/QĐ-UBND ngày 16/12/2024 của UBND tỉnh Đắk Lắk (cũ)** | **Quyết định số 24/2024/QĐ-UBND ngày 28/5/2024 của UBND tỉnh Phú Yên (cũ)** | | |
| này, báo cáo UBND tỉnh việc triển khai thực hiện Quyết định theo đúng quy định.<br>2. Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị căn cứ vào Danh mục tài sản cố định đặc thù; Danh mục, thời gian tính hao mòn và tỷ lệ hao mòn tài sản cố định vô hình theo quy định tại Điều 3 Quyết định này thực hiện việc ghi sổ sách kế toán, hạch toán, theo dõi và quản lý, sử dụng tài sản theo đúng quy định.<br>3. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có phát sinh vướng mắc, các cơ quan, tổ chức, đơn vị phản ánh kịp thời về ở Tài chính để tổng hợp, báo cáo, đề xuất UBND tỉnh xem xét giải quyết hoặc sửa đổi, bổ sung cho phù hợp. | chính hướng dẫn chế độ quản lý, tính hao mòn, khấu hao tài sản cố định tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và tài sản cố định do nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp (sau đây gọi là Thông tư số 23/2023/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính) và các nội dung quy định tại Quyết định này, thực hiện việc ghi sổ kế toán, hạch toán, theo dõi và quản lý tài sản theo đúng quy định.<br>Trong quá trình triển khai thực hiện, trường hợp khó khăn, vướng mắc hoặc phát sinh danh mục tài sản chưa được quy định tại Điều 3 Quyết định này, cơ quan, tổ chức, đơn vị kịp thời phản ánh về Sở Tài chính để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.<br>2. Giao Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức triển khai và theo dõi việc thực hiện Quyết định này.<br>3. Các nội dung khác không quy định tại Quyết định này thì thực hiện theo quy định tại Thông tư số 23/2023/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và quy định pháp luật khác có liên quan. | chính hướng dẫn chế độ quản lý, tính hao mòn, khấu hao tài sản cố định tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và tài sản cố định do nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp (sau đây gọi là Thông tư số 23/2023/TT- BTC) và các nội dung quy định tại Quyết định này, thực hiện việc ghi sổ kế toán, hạch toán, theo dõi và quản lý tài sản theo đúng quy định.<br>Trong quá trình triển khai thực hiện, trường hợp khó khăn, vướng mắc hoặc phát sinh danh mục tài sản chưa được quy định tại Điều 3 Quyết định này, cơ quan, tổ chức, đơn vị kịp thời phản ánh về Sở Tài chính để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.<br>2. Giao Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức triển khai và theo dõi việc thực hiện Quyết định này.<br>3. Các nội dung khác không quy định tại Quyết định này thì thực hiện theo quy định tại Thông tư số 23/2023/TT-BTC và quy định pháp luật khác có liên quan. | của 02 tỉnh. Phần lớn nội dung quy định này mang tính tương đồng giữa 2 tỉnh, không có thay đổi. |